

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

TOÁN LỚP 2

Kết nối tri thức với cuộc sống · Bộ 1 · 40 phút · Thang điểm 10

Họ và tên: Lớp:

Đề tự biên soạn để ôn tập theo tiến độ Kết nối tri thức.

I. Chọn câu trả lời đúng

Câu 1 (0,5 điểm). Số gồm 6 trăm, 0 chục, 4 đơn vị là:

A. 640

B. 604

C. 460

Câu 2 (0,5 điểm). 5×7 bằng:

A. 12

B. 30

C. 35

Câu 3 (0,5 điểm). Quả bóng đá có dạng gần với:

A. Khối cầu

B. Khối trụ

C. Khối lập phương

Câu 4 (0,5 điểm). Số nào lớn nhất?

A. 382

B. 328

C. 823

II. Làm bài trên giấy

Câu 5 (2 điểm). Tính: a) 2×8 b) $35 : 5$ c) 5×6 d) $18 : 2$

Câu 6 (1 điểm). Viết số 572 thành tổng của trăm, chục và đơn vị.

Câu 7 (1 điểm). Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$: a) $409 \dots 490$; b) $700 \dots 699$.

Câu 8 (1 điểm). Mỗi bình cắm 5 bông hoa. Có 4 bình như thế. Có tất cả bao nhiêu bông hoa?

Câu 9 (1 điểm). Viết hai số còn thiếu: 310, 320, ..., ..., 350.

Câu 10 (2 điểm). Có 20 chiếc bánh chia đều vào 5 đĩa. Mỗi đĩa có bao nhiêu chiếc bánh?

HẾT PHẦN ĐỀ

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề ôn tập giữa học kì II Toán 2 – KNTT – Bộ 1

Chấm theo từng ý; chấp nhận cách làm khác đúng. Các ví dụ trả lời mở không phải đáp án duy nhất.

Câu 1 • 0,5 điểm

B. 604

- $600 + 4 = 604$.

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 2 • 0,5 điểm

C. 35

- Trong bảng nhân 5: $5 \times 7 = 35$.

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 3 • 0,5 điểm

A. Khối cầu

- Quả bóng tròn có dạng gần với khối cầu.

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 4 • 0,5 điểm

C. 823

- 823 có hàng trăm là 8, lớn hơn 3.

Chọn đúng: 0.5 điểm.

Câu 5 • 2 điểm

a) 16; b) 7; c) 30; d) 9

- $2 \times 8 = 16$.
- $35 : 5 = 7$.
- $5 \times 6 = 30$.
- $18 : 2 = 9$.

Tính đúng ý a: 0.5 điểm. Tính đúng ý b: 0.5 điểm. Tính đúng ý c: 0.5 điểm. Tính đúng ý d: 0.5 điểm.

Câu 6 • 1 điểm

$572 = 500 + 70 + 2$

- Chữ số 5 ở hàng trăm, 7 ở hàng chục, 2 ở hàng đơn vị.

500: 0.5 điểm. 70 và 2: 0.5 điểm.

Câu 7 · 1 điểm

a) <; b) >

- $409 < 490$ do 0 chục bé hơn 9 chục.
- 700 có 7 trăm, lớn hơn 699 có 6 trăm.

Ý a: 0.5 điểm. Ý b: 0.5 điểm.

Câu 8 · 1 điểm

20 bông hoa

- $5 \times 4 = 20$ (bông).

Phép nhân: 0.5 điểm. Kết quả và đơn vị: 0.5 điểm.

Câu 9 · 1 điểm

330; 340

- Đếm thêm từng chục.

330: 0.5 điểm. 340: 0.5 điểm.

Câu 10 · 2 điểm

4 chiếc bánh

- $20 : 5 = 4$ (chiếc).
- Đáp số: 4 chiếc bánh.

Lời giải và phép chia: 1 điểm. Kết quả, đơn vị: 1 điểm.

Nguồn đối chiếu

Đối chiếu tiến độ và dạng bài; ngữ liệu, số liệu và câu hỏi được soạn riêng. Các đề mẫu chỉ dùng tham khảo cấu trúc, không thay thế tiến độ từng kỳ.

- [Phân phối chương trình lớp 2 KNTT – Download.vn](#)